

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18/11/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 219/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp K, xã H1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn H: Ông Lê Minh C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2021).

- *Bị đơn:* 1/ Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1983.

2/ Chị Trần Ngọc M, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn anh Lê Minh Đ và chị Trần Ngọc M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đặng Văn H số tiền còn nợ 105.859.000đ (*Một trăm lẻ năm triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu bị đơn anh Lê Minh Đ và chị Trần Ngọc M chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Văn H nộp 1.323.238đ (*Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*) nhưng ông H có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ.

Bị đơn anh Lê Minh Đ và chị Trần Ngọc M nộp 1.323.238đ (*Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga